

Bản án số: 94/2017/HS-ST

Ngày: 13/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **TRẦN VĂN HẢI** – Cán bộ hưu trí cư ngụ tại Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè.
- Ông **NGUYỄN VĂN TRỌNG** – Hiệu trưởng trường trung học phổ thông Huỳnh Văn Sấm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **TRẦN VĂN QUỐC** – Kiểm sát viên.

Hoâm nay ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2017/HSST ngày 31/10/2017 đối với các bị cáo:

1. **ĐÀO ĐẠI N**, sinh năm: 1992 tại tỉnh TG; Giấy chứng minh nhân dân số: 312171645; Nơi ĐKNKTT: Khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Con ông Đào Nghĩa Hi (chết) và bà Nguyễn Thị Đ(1954); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 01 lần – Ngày 05/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TG xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam MP đến ngày 31/8/2015 được đặc xá; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2017, bị tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. **TRƯƠNG CHÍ H**, sinh năm: 1997 tại tỉnh TG; Giấy chứng minh nhân dân số: 312360220; Nơi ĐKNKTT: Ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Trương Văn C (1963) và bà Phan Thị T (1969); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2017, bị tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến nay. (Bị cáo có mặt).

3. **NGUYỄN TRƯỜNG T**, sinh năm: 1993 tại tỉnh TG; Giấy chứng minh nhân dân số: Không có; Nơi ĐKNKTT: Ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Con ông không rõ và bà Phan Thị Xuân L (1963); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2017, bị tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến nay. (Bị cáo có mặt).

4. **TRƯƠNG TRỌNG P**, sinh năm: 1998 tại tỉnh TG; Giấy chứng minh nhân dân số: 312360559; Nơi ĐKNKTT: Ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông Trương Văn H (1967) và bà Nguyễn Thị Kim V (1967); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố điều tra tại ngoại. (Bị cáo có mặt)

** Bị hại:*

1. **Nguyễn Văn T** sinh năm: 1962. Nơi ĐKNKTT: Khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG. (vắng mặt).

2. **Lê Thanh H**, sinh năm: 1992. Nơi ĐKNKTT: Ấp ĐT, xã TC, huyện CD, tỉnh LA. Chỗ ở: Ấp AH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG. (vắng mặt).

3. **Phan Minh T**, sinh năm: 2000. *Đại diện hợp pháp: Trương Thị D*, sinh năm 1983. Cùng nơi ĐKNKTT: Ấp HN, xã HX, huyện CL, tỉnh TG. Chỗ ở: Ấp AH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG. (anh T, bà D vắng mặt).

4. **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm: 1993. Nơi ĐKNKTT: Ấp AH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG. (vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1982. Nơi ĐKNKTT: Ấp HQ, xã HD, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

2. **Trương Thị Diễm H**, sinh năm: 1992. Nơi ĐKNKTT: Ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh TG. (có mặt).

3. **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1954. Nơi ĐKNKTT: Tổ 28, Khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG. (có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đào Đại N; Trương Chí H; Nguyễn Trường T; Trương Trọng P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CB truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đào Đại N, Trương Chí H, Nguyễn Trường T là bạn bè chơi chung. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/7/2017, Đào Đại N gặp Trương Chí H và Nguyễn Trường T tại cầu Cái Bè 2 thuộc thị trấn CB, N rủ T, H đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T và H đồng ý. Cả 03 đi bộ theo đường đá xanh hướng về ấp AH, xã ĐHH, huyện CB, khi đến khi vực vườn của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 ở ấp AH, xã ĐHH, huyện CB. Lúc này, khoảng 01 giờ cùng ngày, N nhìn thấy dưới sông trước nhà giữ vườn của ông T có nhiều tàu du lịch đang đậu, N đi xuống tàu có bảng hiệu Miền Tây 2 lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo WA51 màu trắng và một bếp điện mini trắng của anh Lê Thanh H, sinh năm 1992, cư ngụ ấp AH, xã ĐHH, huyện CB là nhân viên trên tàu. N đưa bếp điện cho T đang ở trên bờ giữ, còn điện thoại Oppo cất vào trong người. N tiếp tục đi sang tàu Lecochinchine 4 đang đậu kế bên lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu iphone 5S loại 32G màu trắng của anh Phan Minh T, sinh năm 2000, cư ngụ ấp AH, xã ĐHH, huyện CB là nhân viên đang ngủ trên tàu; sau đó N đưa 02 điện thoại vừa lấy trộm được cho H cất giữ, còn T đem bếp điện giấu ở bụi cây mai kiểng ven đường gần đó rồi cùng với H đi đến nhà giữ vườn của anh T để tìm tài sản trộm cắp tiếp, còn N ngồi đợi. Do cửa trước nhà của ông T chỉ dùng ổ khóa móc vào khoen cửa nhưng không khóa, T dùng đèn pin điện thoại di động của T rọi cho H lấy 01 đoạn dây dài khoảng 1,6 mét đứng tại cửa sổ bên hông nhà chọc cho ổ khóa rơi ra khoen cửa để mở cửa đi vào nhà; H đi vào lấy trộm một mô tơ, T lấy trộm một giàn máy xịt thuốc và đem ra ngoài. Tiếp tục, T đi qua chòi lợp tôn kế bên nhà giữ vườn lấy trộm 01 xe đạp điện hiệu ASAMA của anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1993, thường trú ấp AH, xã ĐHH, huyện CB, sau đó T và H để mô tơ lên xe đạp điện dẫn ra cát giấu ở bụi xả, rồi cả hai quay lại khiêng giàn xịt thuốc cất giấu ở bụi cây cách nhà giữ vườn khoảng 100m. H, T chạy xe đạp điện về cát giấu ở nhà trọ của N thuộc khu 3, thị trấn CB, huyện CB.

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, H và N gặp Trương Trọng P là bạn của N tại cầu CB 2, Ng nói cho P biết vừa lấy trộm được mô tơ và giàn xịt thuốc, N kêu P dùng xe mô tô 63B1-390.56 Phúc đang sử dụng chở H đi lấy tài sản trộm đem về cất giấu dưới dạ cầu CB 2, P biết rõ đây là tài sản trộm mà có nhưng vẫn đồng ý. Đến khoảng 06 giờ ngày 23/7/2017, N hỏi P chở bán tài sản thì P chở N cùng mô tơ và giàn xịt thuốc đến nhà anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982, thường trú ấp H Q, xã HĐ, huyện CL, P thỏa thuận bán cho anh Đ giá 1.000.000 đồng rồi đưa tiền cho N cất giữ. Sau khi bán tài sản trộm xong, tại phòng trọ của N, N chia cho H 01 điện thoại di động iphone 5S, chia cho T 01 điện thoại Oppo; do điện thoại của H không khởi động được nên H gửi T cất giữ, sau đó T đem hai điện thoại về nhà cất giấu; riêng xe đạp điện ASAMA để lại phòng trọ của N nhằm mục đích làm phương tiện đi lại chung; còn số tiền 1.000.000 đồng có được N tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện mất tài sản, ông T đã trình báo cho Công an huyện CB, quá trình xác minh N, H, T và P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

Một (01) bếp điện mini trắng.

Ngày 23/7/2017, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp, cụ thể:

Tại phòng trọ của ĐDN thuộc khu 3, thị trấn CB, thu giữ: 01 xe đạp điện màu đen hiệu Asama.

Tại nhà của bà Phan Thị Xuân L (mẹ ruột T) thuộc ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo WA51 màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng.

Anh Trần Văn Đ tự nguyện giao nộp: 01 mô tơ hiệu LeGo THC 1,5Hp màu bạc; 01 dàn máy xịt thuốc gồm mô tơ và máy phun hiệu TH 26A.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen của Đào Đại N; 01 xe mô tô Exciter biển số 63B1-390.56 của Trương Trọng P do chị Trương Thị Diễm H (chị Trương Trọng P) đứng tên chủ sở hữu; 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106 của Trương Chí H; 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m.

Xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu gồm:

Ông Nguyễn Văn T 01 mô tơ hiệu LeGo THC 1,5Hp màu bạc; 01 dàn máy xịt thuốc gồm mô tơ và máy phun hiệu TH 26A;

Anh Nguyễn Hoàng T 01 xe đạp điện màu đen hiệu Asama;

Anh Lê Thanh H 01 điện thoại di động Oppo WA51 màu trắng và một bếp điện mini trắng;

Anh Phan Minh T 01 điện thoại di động iphone 5S loại 32G màu trắng.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 63B1-390.56 của chị Trương Thị Diễm H, việc Phúc sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị H không biết nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại vào ngày 11/9/2017.

Hiện Cơ quan điều tra còn tạm giữ: 01 điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106; 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m.

Theo Kết luận định giá tài sản số 79 ngày 25/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện CB xác định: mô tơ hiệu Lego THC loại 1,5 HP trị giá 1.440.000 đồng; dàn máy phun thuốc trị giá 3.680.000 đồng; xe đạp điện hiệu Asama trị giá 5.600.000 đồng; điện thoại di động Oppo WA51 trị giá 1.080.000 đồng; bếp điện mini 1.530.000 đồng; điện thoại di động Iphone 5S loại 32G trị giá 2.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 15.820.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại gồm ông Nguyễn Văn T, anh Lê Thanh H, anh Nguyễn Hoàng T và anh Phan Minh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Đối với anh Trần Văn Đ khi mua tài sản không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, sau đó anh đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra; đồng thời bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột Nghi) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường lại cho anh Đ số tiền 1.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra, Trương Trọng P khai khi đem mô tơ và giàn xít thuốc giấu dưới dạ cầu CB 2 thì Lê Minh N (Mù) sinh năm 1993, là bạn của N và P, nhà ở gần cầu CB 2 có đem tấm vải ra để cho P đây mô tơ và giàn xít thuốc. Hiện tại, N không có mặt tại địa phương không rõ ở đâu nên chưa tiến hành tố tụng được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh đối tượng để làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CB truy tố các bị cáo ĐĐN; Trương Chí H; Nguyễn Trường T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trương Trọng P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố các bị cáo Đào Đại N; Trương Chí H; Nguyễn Trường T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Trương Trọng P đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N từ 18 – 24 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 09 – 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 09 – 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P từ 06 – 09 tháng tù. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen; trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106; tịch thu tiêu hủy 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, cả bốn bị cáo Đào Đại N, Trương Chí H; Nguyễn Trường T; Trương Trọng P đều nhận tội và khai nhận hành vi của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo N, H, T và P đã phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể rạng sáng ngày 23/07/2017, tại địa bàn xã ĐHH, huyện C B, tỉnh TG, các bị cáo N, H, T đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 15.820.000 đồng, bị cáo P biết rõ tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp các bị cáo tiêu thụ tài sản nên có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Đào Đại N, Trương Chí H; Nguyễn Trường T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự, còn bị cáo Trương Trọng P đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 250 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo N, H và T đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của người khác, còn hành vi của bị cáo Phúc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, hành vi của các bị cáo không những làm mất an ninh trật tự ở

địa phương, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân mà còn ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia với vai trò khác nhau nên cần cá thể hoá hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Các bị cáo Đào Đại N, Trương Chí H và Nguyễn Trường T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với hình thức đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo là người đã thành niên, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện và đều trực tiếp tham gia tích cực vào việc trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài, tuy nhiên bị cáo Đào Đại N phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo H và bị cáo T do bị cáo là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác phạm tội, đồng thời bị cáo là người trực tiếp tiếp cận và chiếm đoạt tài sản, mặt khác bị cáo cũng là người thụ hưởng số tiền thu lợi bất chính nhiều nhất. Đối với bị cáo H và bị cáo T có vai trò ngang nhau khi được bị cáo N rủ rê đi trộm tài sản thì hai bị cáo đều đồng ý ngay và lần lượt các bị cáo cùng nhau thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản liên tiếp của 04 bị hại. Tuy nhiên xem xét bị cáo H và bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, hai bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N có nhân thân xấu, đã từng bị Toà án xử phạt 02 lần về hành vi vi phạm pháp luật hình sự, lần thứ nhất vào ngày 08/02/2010 bị Toà án nhân dân huyện Cái Bè xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, lần thứ hai vào ngày 05/4/2011 bị Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, bị cáo đã được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, được đặc xá tha tù trước thời hạn đáng lẽ bị cáo phải tu dưỡng bản thân, tích cực lao động, hoà nhập cộng đồng để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo thật thà khai báo và ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trương Trọng P: Bị cáo P là người đã thành niên, bị cáo biết rõ tài sản do các bị cáo N, H, T trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý và tích cực tìm nơi để bán các tài sản mà các bị cáo N, H, T trộm được. Xét về nhân thân của bị cáo P, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Mặc dù các tài sản các bị cáo N, H, T trộm được phía Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả lại cho các bị hại, tuy nhiên các bị cáo H, T, P là các đối tượng nghiện ma túy tại địa phương, không có nghề nghiệp ổn định, đồng thời qua các phân tích nêu trên xét thấy cần cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

* Vật chứng thu giữ:

Đối với các tài sản cơ quan điều tra đã trao trả lại cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T, Lê Thanh H, Phan Minh T, Nguyễn Hoàng T và Trương Thị Diễm H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Còn lại các tài sản Cơ quan điều tra còn tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen của bị cáo Nghi; 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106 của bị cáo Hiếu; 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m.

Đối với hai điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen và 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106 là tài sản cá nhân của bị cáo N và bị cáo H không dùng vào việc phạm tội nên cần trao trả các tài sản này lại cho bị cáo N và bị cáo H. Đối với 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m là công cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn T, anh Lê Thanh H, anh Nguyễn Hoàng T, anh Phan Minh T và Trương Thị Diễm H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Trần Văn Đ khi mua tài sản không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, sau đó anh đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra đồng thời bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột N) đã thỏa thuận hoàn trả lại cho anh Đ số tiền 1.000.000 đồng, phía anh Đ và bà Đ cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác, xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên và đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với đối tượng Lê Minh N (Mù), sinh năm 1993 là bạn của bị cáo N và P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P khai khi đem mô tơ và giàn xịt thuốc giấu dưới dạ cầu Cái Bè 2 thì N nhà ở gần cầu Cái Bè 2 có đem tấm vải ra để cho P đặt mô tơ và giàn xịt thuốc. Hiện nay, N không có mặt tại địa phương không rõ ở đâu nên chưa tiến hành tố tụng được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh đối tượng để làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Đào Đại N, Trương Chí H, Nguyễn Trường T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trương Trọng P đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Đào Đại N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2017.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Trương Chí H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2017.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Trường T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2017.

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Trương Trọng P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả 01 điện thoại di động Nokia model 105 màn hình trắng đen cho bị cáo N.

- Tuyên trả 01 điện thoại di động hiệu Zono N106 trắng xanh đen model N106 cho bị cáo H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn cây gỗ dài 1,6m.

Hiện các vật chứng này do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè đang tạm giữ.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Đào Đại N, Trương Chí H, Nguyễn Trường T, Trương Trọng P mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo : Các bị cáo N, H, T, P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Đ, chị H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người bị hại gồm: ông T, anh H, anh T, anh T; đại diện hợp pháp cho anh T là bà D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG TÍNH